

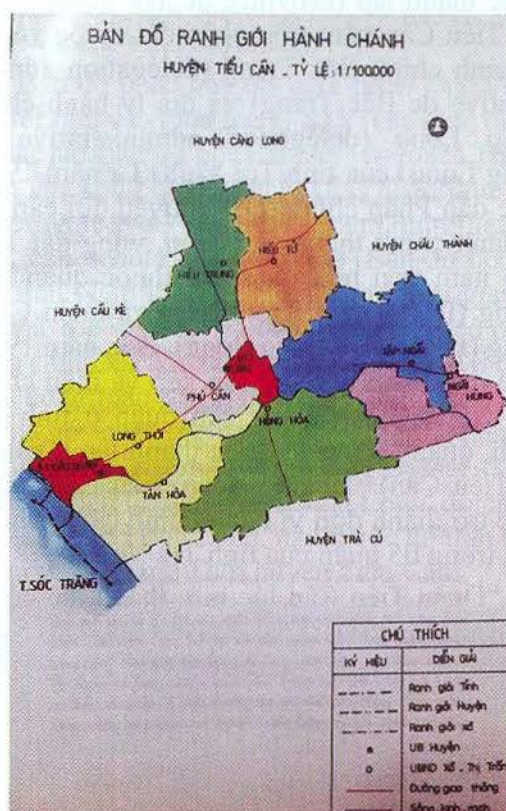
Lịch sử địa phương là một phân ngành có tính nền tảng cho những nghiên cứu mang tính quy mô rộng lớn hơn. Tuy nhiên, cũng chính từ tính chất “địa phương” đó mà nó gắn liền với những thuận lợi và trở ngại nội sinh. Đội ngũ nghiên cứu và nghiệp vụ tại chỗ có nhiều thuận lợi về mặt địa bàn, và cũng gặp khó khăn trong việc tiếp cận nguồn tư liệu mà chủ yếu hiện nay được tập trung lưu trữ bảo quản tại các Trung tâm lớn. Có những công trình tâm huyết về lịch sử địa phương, do chưa chủ trọng đào sâu nguồn tư liệu từ các Trung tâm lưu trữ trong đó có nguồn tư liệu đồ bản quý giá, nên vẫn có những khoảng trống nhất định.

Huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh ngày nay có 02 thị trấn, 09 xã bao gồm tổng cộng 89 khóm ấp. Ngược dòng những biến thiên, thay đổi của lịch sử, đôi khi chúng ta tự hỏi, mảnh đất Tiểu Cần mà hôm nay chúng ta đứng chân trên đó, hay hẹp hơn nữa, giồng đất mà chúng ta đang cây xối mỗi ngày ấy, thuở xưa tên gọi là chi? Từng tên gọi Tiểu Cần, Hùng Hòa, hay Trinh Phụ, Đại Mong có ý nghĩa là gì và có từ khi nào?

Trong cuốn “*Huyện Tiểu Cần những chặng đường lịch sử vẻ vang*” do Huyện ủy Tiểu Cần chủ trì biên soạn, ấn hành năm 2002 có nhiều đoạn đề cập đến quá trình thay đổi địa danh hành chính trên địa bàn huyện qua các thời kỳ lịch sử, từ khi Nhà Nguyễn bắt đầu cất đặt phân chia các đơn vị hành chính dân cư trên vùng đất Nam Bộ cho đến hôm nay. Phần giới thiệu trên trang thông tin điện tử của huyện cũng trích dẫn từ nguồn này. Theo đó ghi nhận:

“Đã lâu lắm rồi – vào cái thời mà vùng đất này còn rất hoang vu, có một con rạch chảy qua, con rạch này có tên gọi “Kal Chon” tiếng Khmer, tiếng Việt biến âm thành “Cần Công” và về sau vùng đất có con rạch chảy qua này được gọi là “Xèo Cần Công”. Rồi “Tiểu Cần Công” và rút gọn lại còn “Tiểu Cần”... Thế rồi con rạch này được gọi là “Xèo Cần Công” và miền đất có con rạch chảy qua được gọi là “Miệt xèo Cần Công”. Thời gian trôi đi, miệt xèo Cần Công được gọi là “Miệt Tiểu Cần”...

“...Cũng theo cách gọi dân gian, trước thế kỷ XIX, vùng đất Tiêu Cẩn nằm trên địa



Bản đồ Tiểu Cần trong quyển "Huyện Tiểu Cần những chặng đường lịch sử vẻ vang", xuất bản năm 2002

phận Vang Tứ của xứ Trà Vang. Đến đầu thế kỷ XIX, theo sự sắp xếp tổ chức hành chính của triều đình nhà Nguyễn thì vùng đất Tiểu Cần nằm trên địa phận huyện Tuân Ngãi thuộc phủ Lạc Hóa, trực thuộc Gia Định thành. Từ giữa thế kỷ XIX, vùng đất Tiểu Cần nằm trên địa phận tổng Ngãi Long và tổng Thạnh Trị thuộc huyện Tuân Ngãi, phủ Lạc Hóa, tỉnh

Vĩnh Long. Tuy vậy tổng Ngải Long hay tổng Thạnh Trị chỉ là tên gọi hành chính theo sự phân định của chính quyền phong kiến đương thời, còn “Tiểu Cần” vẫn cứ là tên gọi dân gian, sống mãi trong lòng dân. Từ năm 1867, thực dân Pháp đặt ách thống trị ở đây, vùng đất Tiểu Cần vẫn nằm trên một phần đất thuộc hai tổng Ngải Long và Thạnh Trị nhưng thuộc về Sở tham biện Bắc Trang (Inspection Bactrang). Từ giữa năm 1871 Sở tham biện Bắc Trang được sát nhập vào Sở tham biện Trà Vinh, vùng đất này lại thuộc vào Sở tham biện Trà Vinh. Từ đầu thế kỷ XX tỉnh Trà Vinh được thành lập (Province de Trà Vinh), vùng đất Tiểu Cần nằm trên phần đất thuộc về địa lý hành chính Bắc Trang (délégation administrative de Bắc Trang) và địa lý hành chính Càng Long (délégation administrative de Càng Long) của tỉnh Trà Vinh. Từ năm 1917, thực dân Pháp chính thức chuyển đổi cấp địa lý hành chính thành cấp quận, vùng đất Tiểu Cần nằm trên một phần đất thuộc quận Bắc Trang (District de Bắc Trang) và quận Càng Long (District de Càng Long). Đến năm 1928, thực dân Pháp tiếp tục sắp xếp và điều chỉnh các đơn vị hành chính cấp quận ở tỉnh Trà Vinh, quận Tiểu Cần được thành lập (District de Tiểu Cần). Từ đây, quận Tiểu Cần chính thức trở thành đơn vị hành chính cấp quận, là một trong 05 quận của tỉnh Trà Vinh.”

“Quận Tiểu Cần lúc mới thành lập có 08 xã: Đại Mong, Đại Cần, Quảng Dã, Tập Ngải, Tiểu Cần, Trinh Phụ, Hiếu Tử, Long Định. Quận lỵ nằm trên địa bàn xã Tiểu Cần...”

Theo chú thích trên sách, các thông tin được thu thập từ tài liệu Công báo Xứ Nam kỳ thuộc Pháp. Khi mà các tài liệu địa lý chỉ mô tả bằng lời mà không có những hình ảnh, bản đồ minh họa kèm theo, chúng ta dễ gặp khó khăn trong việc đối chiếu, xác định một vị trí, một ranh giới cụ thể. Nguồn tài liệu hỗ trợ hiệu quả chính là các tấm bản đồ. Nhà Nguyễn ý thức rất rõ rệt việc xác định chủ quyền trên các vùng lãnh thổ qua việc cho biên soạn các tấm bản đồ, cụ thể là bộ *Đại Nam nhất thống toàn đồ* ấn hành thời gian năm 1839-1840, tuy nhiên cách vẽ sơ khai chân phương, không đạt được sự chính xác cao về tỉ lệ, cự li địa lý, về tọa độ

vị trí các địa danh. *An Nam đại quốc họa đồ* của Taberd ấn hành 1838, thể hiện địa lý vùng đồng bằng Nam Bộ thời kì trước 1836, cũng gặp tình trạng tương tự. Chỉ đến khi người Pháp đến và đặt nền hành chính cai trị lên xứ sở này, và xuất phát từ chính nhu cầu quản lí địa bàn và dân cư, thì cùng với việc từng bước phân chia lại các khu vực hành chính, công tác trắc đạc đồ bản cũng được chú trọng và ngày càng cải thiện về tính đầy đủ, tính chính xác của các tấm bản đồ làm ra. Trong phạm vi bài viết này, chúng tôi tham chiếu sử dụng các tấm bản đồ sau:

- Các tờ 14 và 15, thuộc bộ Bản đồ Xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, vẽ vào các năm 1872-1873;

- Bản đồ hạt Trà Vinh, ấn hành theo chỉ thị của Giám đốc nội vụ Dinh thống đốc, năm 1888, tỷ lệ 1:100000;

- Bản đồ Nam Kỳ do Văn phòng Trắc đạc quân đội Đông Dương vẽ tháng 1 năm 1893;

- Bản đồ Tỉnh Trà Vinh năm 1920, tỉ lệ 1:100000;

- Các tấm bản đồ liên quan trong tập bản đồ do cơ quan trắc đạc Đông Dương vẽ các năm 1925, 1926, 1927 và điều chỉnh lại theo không ảnh vào năm 1950, tỉ lệ 1:50000;

- Các tấm bản đồ liên quan do quân đội Mỹ ấn hành năm 1965, tỉ lệ 1:50000 và 1:25000;

- Tập bản đồ hành chính Việt Nam do nhà xuất bản Bản đồ (nay là NXB TNMT và Bản đồ) ấn hành qua các thời kì.

Thời kì nhà Nguyễn: 1802-1867

Vùng đất ngày nay là Tiểu Cần trong lịch sử luôn thuộc về sự cai quản của một đơn vị hành chính cấp trên (trên vài cấp) là Lạc Hóa. Lạc Hóa cũng là đơn vị hành chính cấp trên của Trà Vinh, khi mà tên gọi Trà Vinh còn dùng để chỉ một đơn vị hành chính nhỏ hơn, và trong đó cũng không bao gồm Tiểu Cần.

Phủ Lạc Hóa được hình thành vào năm 1825 dưới niên hiệu của vua Minh Mạng, và bao gồm 2 huyện Thuận Ngải (trước đó được gọi là phủ Mân Thít) và huyện Trà Vinh (trước đó được gọi là phủ Trà Vinh).

Qua các tài liệu như *Đại Nam nhất thống chí*, *Gia Định thành thông chí*, chúng ta có thể

hình dung xưa kia dưới thời các chúa Nguyễn và trong những năm đầu của nhà Nguyễn (1802-1832), “Tiểu Cần” theo cùng với Lạc Hóa lần lượt nằm trong các tên gọi hành chính/ đơn vị hành chính châu Định Viễn, dinh Long Hồ, dinh Hoàng Trấn, dinh Vĩnh Trấn (1803), trấn Vĩnh Thanh, thành Gia Định và cuối cùng nằm trong tỉnh Vĩnh Long (một trong Nam Kỳ lục tỉnh) từ năm 1832.

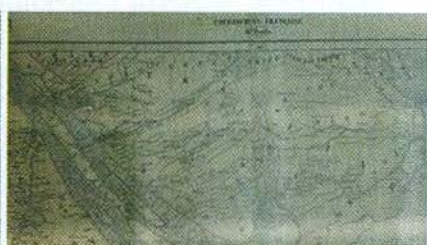
Theo sách *Khâm định Đại Nam hội điển sự lệ* của Quốc sử quán triều Nguyễn, quyển XIV (bản dịch của nhà xuất bản Thuận Hóa 1993), đến thời điểm năm 1851, tỉnh Vĩnh Long, bao gồm 3 phủ trong đó có phủ Lạc Hóa. Lạc Hóa lại được chia thành 2 huyện Thuận Ngãi và Trà Vinh, mỗi huyện lại cai quản 5 tổng, tên lần lượt là: Thành Trị, Thuận Lễ, Thuận Giáo, Ngãi Long, Ngãi Hòa (thuộc Thuận Ngãi) và Trà Bình, Trà Phú, Trà Nhiêu, Vĩnh Trị, Vĩnh Lợi (thuộc Trà Vinh). “Tiểu Cần” khi ấy, về cơ bản nằm trong tổng Ngãi Long. *Xin lưu ý, khi ấy phủ Lạc Hóa chỉ có tổng THÀNH TRỊ, không có tổng với tên gọi Thạnh Trị.*

Lật tiếp qua bộ Địa bạ Triều Nguyễn, bản của nhóm nghiên cứu do học giả Nguyễn Đình Đầu chủ trì đã dịch và công bố năm 1994, chúng ta có tên gọi các thôn xã trong tổng Ngãi Long tại thời điểm năm 1836 như sau:

- 11 thôn: Đại Cần, Đại Mong, Hoàng

Dù sách chỉ có phần chữ, không có bản đồ đính kèm, tuy nhiên thật may mắn là tại phần số liệu điền địa từng thôn, có mô tả Nam Bắc Đông Tây tứ cận, và ráp nối các mẫu thông tin ấy, chúng ta cũng có thể có được phác đồ phân bố tương đối giữa các thôn với nhau và với tổng thể của địa bàn “Tiểu Cần”. Từ đó, chúng ta cũng có thể đúc kết được rằng, tổng Ngãi Long giáp giới với 07 tổng khác trong 02 huyện Thuận Ngãi và Trà Vinh, lần lượt từ phía Bắc và theo chiều kim đồng hồ là: Thuận Giáo, Vĩnh Trị, Trà Phú, Trà Nhiêu, Trà Bình, Ngãi Hòa và Thành Trị. Có thể nói, Ngãi Long nằm ở vị trí trung tâm của tổng thể hai huyện Thuận Ngãi và Trà Vinh thời kì ấy.

Bản đồ phác họa địa giới hành chính tỉnh Vĩnh Long vào giữa thế kỉ XIX (các hình dưới) do các tác giả Philippe Langlet và Quach Thanh Tam lập trong quyển sách *Atlas historique des six provinces du Sud du Vietnam du milieu du XIXe au début du XXe siècle* (Bản đồ lịch sử sáu tỉnh Nam kỳ Việt Nam trong thời gian từ giữa thế kỉ XIX đến đầu thế kỉ XX) có phần chưa chính xác khi thể hiện tổng Thành Trị cách giới hoàn toàn với tổng Ngãi Long, bởi tổng Thuận Giáo chen ở giữa. Thật ra, tổng Thành Trị có phần đất “trườn” sát bờ sông Bassac (sông Hậu) để đến tiếp giáp với Ngãi Long, đó chính là phần thôn Long Định, nay thuộc thị trấn Cầu Quan và xã Long Thới huyện Tiểu Cần.



Bản đồ Xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, 1873 (trích Từ 1 trích Từ 14) Bản đồ Xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, 1873 Bản đồ của Philippe Langlet và Quach Thanh Tam

Bác, Hùng Điều, Lô Từ, Quảng Dã, Thái Cần, Tiếp Hòa, Tiểu Cần, Trinh Phụ, Từ Ô;

- 03 xã: Hiếu Từ, Ngưu Sơn, Tập Tráng.

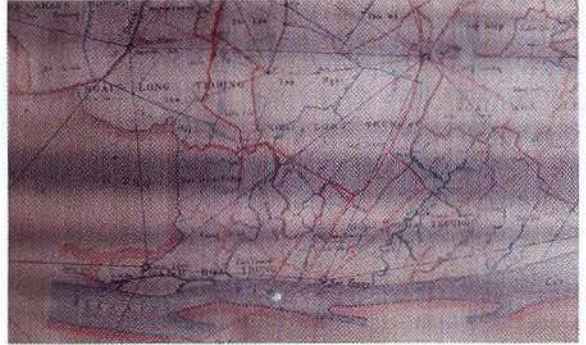
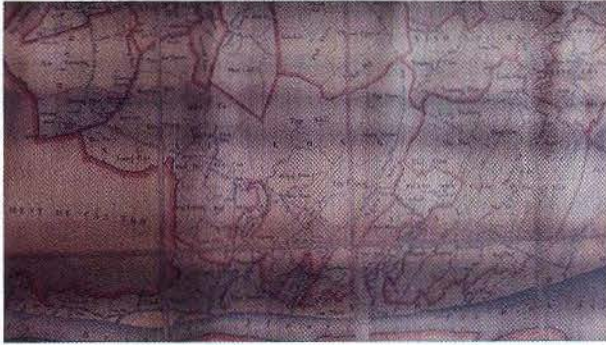
(Danh sách 11 thôn thuộc tổng Thành Trị: An Hòa, An Thạnh, An Thới Trung, An Tĩnh, Long Định, Long Khánh, Long Vĩnh, Mỹ Hòa, Ninh Thới, Thiện Mỹ, Vĩnh Xuân).

Cũng với cách lập phác đồ vị trí các xã thôn thuộc các tổng lân cận để kiểm tra, chúng tôi chưa tìm thấy một phần đất nào khác ngoài ngoài địa bàn tổng Ngãi Long cũ ngoài thôn Long Định được ghép vào trong huyện Tiểu Cần ngày nay. Có một chút nghi vấn cần kiểm tra kĩ hơn đối với các thôn xuất hiện trong danh sách

Công bố - Khai thác phát huy giá trị tài liệu lưu trữ

các thôn thuộc tổng Ngãi Long vào thời điểm chuyển tiếp giữa chính quyền nhà Nguyễn và

Bỏ qua nhiều giai đoạn liên tục chia tách tổng, chuyển làng từ tổng này qua tổng khác,



Trích từ Bản đồ hạt Trà Vinh phần tổng Ngãi Long Trích năm 1888 và năm 1920

chính quyền thuộc địa: Tập Ngãi, Tập Phước, Nhuệ Tam, Đại Trường, Tân Trung.

Thời kỳ Pháp đô hộ: 1867-1954

Tại thời điểm nước Pháp cướp chiếm trọn Nam Kỳ lục tỉnh của nước Đại Nam (1867), theo sự ghi nhận của những kẻ thực dân, số thôn trong tổng Ngãi Long, hạt Lạc Hóa (lại đổi thành hạt Trà Vinh cùng năm đó) giữ nguyên là 14 thôn xã, tại tổng Thành Trị giữ nguyên số thôn là 11.

Năm 1876, toàn bộ các thôn, xã được đổi gọi chung thành “làng” trên toàn xứ Nam Kỳ thuộc địa.

Năm 1900, tỉnh Trà Vinh chính thức được xác định tên gọi là “tỉnh” (sau các giai đoạn được gọi là “hạt thanh tra”, “tham biện”) và duy trì tên gọi này cho đến năm 1954.

Tám bản đồ tổng thể sớm nhất liên quan đến tổng Ngãi Long của thời kì này mà chúng tôi có được là các tờ 14 và 15, thuộc bộ Bản đồ Xứ Nam Kỳ thuộc Pháp, vẽ vào các năm 1872-1873.

Xem xét hai tờ bản đồ chúng ta có thể thấy rõ, các địa bàn dân cư đầu tiên gắn liền với các giống đất, và tên gọi khu dân cư một cách tự nhiên cũng xuất từ từ tên gọi của giống. Đây là bộ bản đồ rất quý giá trong việc xác định những điểm cư ngụ đầu tiên của cư dân trên xứ sở này. Từ những tấm bản đồ sau, chúng ta sẽ thấy cách vẽ bản đồ có sự thay đổi căn bản, từ “thiên về hình thể” chuyển sang “thiên về hành chính”:

chuyển tổng từ tỉnh này qua tỉnh khác, thì đến thời điểm năm 1887, trên địa bàn tương đối trùng khớp với địa bàn tổng Ngãi Long và tổng Thành Trị xưa kia đã hình thành nên 4 tổng mới với tên gọi tổng và các làng trực thuộc như sau:

- Tổng Ngãi Long Thượng: các làng Huyện Thanh, Huyện Bắc, Hiếu Từ, Đại An, Tân Trung, Tân An, Long Hội, Đại Trường, Phú Thọ, Ninh Hòa, Đại Cần, Đại Mông, Trinh Phụ, Tiểu Cần, Đại Dư (15 làng);

- Tổng Ngãi Long Trung: các làng Tập Ngãi, Hùng Diệu, Hòa Trinh, Tiếp Hòa, Từ Ô, Tập Tráng, Ngưu Sơn, Quảng Dã, Nhuệ Tam, Hưng Nhơn, Tập Phước (11 làng);

- Tổng Thành Hóa Thượng: các làng Long Vĩnh, An Thới, Long Hưng, An Nghiệp, Ngãi Thập, Ngãi Lục, Cù Hanh, Long Phụng, Ngãi Bát, Ngãi Cửu (10 làng);

- Tổng Thành Hóa Trung: các làng Ninh Thới, Tân Thành, Long Định, Nhơn Hòa, An Cư, An Tịnh, Hội An, An Bình, An Hòa (9 làng).

Và chúng tôi đem so sánh bản phác đồ lập ra cho thời kỳ trước với các tấm bản đồ 1872 và 1888 để củng cố xác nhận vị trí của các thôn thời kỳ trước, còn tồn tại và thể hiện trên bản đồ thời kỳ này.

(Còn nữa)

đồng bào Thượng, hồ sơ 1726, phòng Bộ phát triển Sắc tộc, tr.4

16. TTLTQGII. *Chương trình cải cách điền địa liên quan đến đồng bào Thượng*, hồ sơ 1726, phòng Bộ phát triển Sắc tộc, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.4

17. TTLTQGII. *Chương trình cải cách điền địa liên quan đến đồng bào Thượng*, hồ sơ 1726, phòng Bộ phát triển Sắc tộc, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.3

18. TTLTQGII. *Chương trình cải cách điền địa liên quan đến đồng bào Thượng*, hồ sơ 1726, phòng Bộ phát triển Sắc

tộc, Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, tr.4

19. TTLTQGII. *Diễn văn khai mạc đại hội các sắc tộc toàn quốc năm 1975 của tổng trưởng sắc tộc*, hồ sơ 1567, phòng Bộ Phát triển Sắc tộc

20. TTLTQGII. *Thành quả công tác kiến điền Thượng*, Sở công tác kiến điền 1974, trang 7, Vn1340, phòng Tư liệu, tr.14

21. TTLTQGII. Paul Nurr (1966), *Về chính sách Thượng vụ trong lịch sử Việt Nam*, VN411, tr.67

QUAN HỆ TÂY BÀ ...

(Tiếp theo trang 58)

... , cuối cùng là phần lãnh thổ không thể tách rời của Đảng trong. Một bài học được rút ra: lưu dân Việt an cư lạc nghiệp ở đâu, lãnh thổ quốc gia sẽ được mở rộng và bảo toàn ở đó.

Sự liên kết bền chặt giữa họ Mạc với chúa Nguyễn, đồng thời là quá trình hòa nhập dần từng bước và trọn vẹn của Hà Tiên vào Đại Việt là nhân tố quan trọng để chính quyền Đảng trong đối phó với âm mưu của Chân Lạp, tham vọng của Xiêm đối với vùng đất ở hạ lưu sông Mekong, hoàn thành công cuộc khai phá và xác lập chủ quyền vùng đất Nam Bộ ở giữa thế kỉ XVIII./.

Chú thích:

- 1,3, 25 Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế, tr 5, tr 6
- 4, 8, 11 Vũ Thế Dinh (2005), *Mạc Thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, tr 16, tr 17, 1 tr 9
- 5, 7 Trương Minh Đạt (2008), *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tạp chí Xưa và Nay, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh, tr 68, tr 71
- 9 Đặng Văn Chương (2010), *Quan hệ Thái Lan Việt Nam cuối thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX*, Nxb. ĐHSB, Hà Nội, tr 12
- 10, 14, 15, 17, 18, 19, 21, 22, 23, 24, 25, 27, 28, 29, 30 Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb giáo dục, Hà Nội, tr 571, 122, tr 126, tr 132, tr 175, tr 208, tr 141, tr 148, tr 148, tr 166, tr 166, tr 171, tr 172, tr 177
- 12, 13, 16 Trịnh Hoài Đức (2004), *Gia định thành thống chí*, Li Việt Dũng dịch, Nxb. Đồng Nai, trang 159, 5, 156
- 20 Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, trang 128
- 31 Paul BauDet (1863), *Công cuộc chinh phục xứ Nam kỳ của nhà Nguyễn và vai trò của những người Tàu di cư*, (bản dịch đánh máy), bản lưu tại Phòng tư liệu trường Đại học khoa học xã hội& nhân văn, Hà Nội, trang 21

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Charles B.Maybon (1920), *Histoire moderne du pays d'Annam (1592-1820)*, Paris;
2. Đặng Văn Chương (2010), *Quan hệ Thái Lan Việt Nam cuối thế kỉ XVIII – giữa thế kỉ XIX*, Nxb. ĐHSB, Hà Nội;
3. Vũ Thế Dinh (2005), *Mạc Thị gia phả*, Nguyễn Khắc Thuần dịch, Nxb. Giáo dục, Hà Nội;
4. Trương Minh Đạt (2008), *Nghiên cứu Hà Tiên*, Tạp chí Xưa và Nay, Nxb. Trẻ, Tp Hồ Chí Minh;
5. Nguyễn Đình Đầu (1992), *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kì lục tỉnh*, Nxb. Hà Nội, Hà Nội;
6. Lê Quý Đôn (2007), *Phủ biên tạp lục*, Viện Sử học dịch, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội;
7. Trịnh Hoài Đức (2004), *Gia định thành thống chí*, Li Việt Dũng dịch, Nxb. Đồng Nai;
8. D.G.E.Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội;
9. Đỗ Quỳnh Nga (2013), *Công cuộc mở đất Tây Nam Bộ thời chúa Nguyễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội;
10. Lê Văn Quang (1995), *Lịch sử Vương Quốc Thái Lan*, Nxb. Tp Hồ Chí Minh;
11. Quốc sử quán triều Nguyễn (2006), *Đại Nam nhất thống chí*, Tập 5, Nxb. Thuận Hóa, Huế;
12. Quốc sử quán triều Nguyễn (2001), *Đại Nam thực lục*, Tập 1, Nxb. giáo dục, Hà Nội.